



NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

ĐỒ ÁN KIẾN TRÚC DÂN DỤNG

6

➤ Nhà văn hoá

➤ Câu lạc bộ

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích và yêu cầu

1. Mục đích và yêu cầu

1.1. Tính chất

Đồ án nhà công cộng 2: Công trình văn hóa - xã hội

1.2. Mục tiêu

- Nắm được cơ bản phương pháp thiết kế công năng đa tuyến kiểu nút sảnh (từ một không gian tiếp cận, đón tiếp tập trung, các đối tượng sử dụng được phân chia luồng tuyến về các khu vực chức năng khác nhau);
- Phát triển cách thức thiết kế hình thức kiến trúc có bao hàm nội dung công năng hoặc hàm chứa thông điệp cụ thể (thông qua chủ đề của nhà văn hóa, câu lạc bộ);
- Nắm được phương pháp tổ chức phòng tập trung đồng người (tiện nghi và tổ chức các hoạt động, tiếp cận và thoát người trong điều kiện bình thường và khi có sự cố).

1.3. Kết quả mong muốn

- Biết tổ chức giao thông nút sảnh trong công trình đa tuyến phức tạp (xác định được các luồng tuyến của các đối tượng sử dụng khác nhau theo từng khu vực không gian khác nhau);
- Biết bày tỏ nội dung bằng các thủ pháp kiến trúc phù hợp, độc đáo (thông qua tạo hình không gian, xử lý hình khối, chi tiết nhằm mang đến cảm xúc và thông điệp nghệ thuật cho người sử dụng, người xem);
- Trang bị được kiến thức cần thiết để có thể sáng tạo công năng (dựa trên các nhu cầu thực tế của xã hội và các cộng đồng dân cư);
- Biết cách xử lý tổ chức không gian tập trung đồng người (dự kiến, phân chia các khu vực theo những hình thức hoạt động khác nhau, tích hợp yêu cầu tiện nghi và an toàn tính mạng người sử dụng).

1.4. Kỹ năng đánh giá

- | | |
|---|-----|
| - Tích hợp các yếu tố kỹ thuật công trình và xử lý cấu tạo kiến trúc | 20% |
| - Sáng tạo công năng công trình dựa trên nhu cầu xã hội | 20% |
| - <u>Xử lý không gian đặc thù và tổ chức sắp xếp công năng phức hợp</u> | 40% |
| - Đẩy mạnh tính thực tế và tính sáng tạo trong xử lý không gian | 20% |

2. Thể loại, địa điểm xây dựng và quy mô công trình

2.1. Thể loại công trình

Nhà văn hoá và Câu lạc bộ đều thuộc loại hình công trình công cộng có đối tượng sử dụng không hạn chế. Thông thường, cả 2 thể loại công trình này đều thường được xây dựng bởi nguồn vốn nhà nước cấp, do đó có tính chất phân cấp rất rõ về quy mô cũng như nhiệm vụ thiết kế, trong đó Nhà văn hóa đã từng được coi như công trình phúc lợi thiết yếu. Tuy

hiện nay, song song với hệ thống các công trình được xây dựng bởi nguồn vốn ngân sách nhà nước, còn có một số lượng lớn được đầu tư xây dựng bởi nguồn vốn xã hội hóa hoặc tư nhân, do đó quy mô, nhiệm vụ thiết kế cũng trở nên đa dạng và phong phú hơn, nhất là các loại hình Câu lạc bộ.

Trước đây, do nhu cầu sinh hoạt cộng đồng cũng như tự hoàn thiện cá nhân trong cộng đồng không lớn và không đa dạng, hơn nữa do đầu tư theo mô hình phân cấp nên sự khác biệt về nội dung công năng hoạt động là rất ít nên dẫn đến không thu hút được người dân khai thác sử dụng đối với 2 thể loại công trình này. Ngày nay đã có sự khác biệt lớn. Kinh tế phát triển kéo theo nhu cầu sinh hoạt cộng đồng và tự hoàn thiện cá nhân trở nên lớn hơn bao giờ hết. Hàng loạt các trung tâm văn hóa nghệ thuật, văn hóa công đồng, câu lạc bộ, lớp học đào tạo kỹ năng... đủ loại hình ra đời đã làm phong phú nội dung cho 2 thể loại công trình này, cũng như phân biệt chúng với nhau một cách rõ rệt:

(1) **Nhà văn hóa** (hay còn được gọi **Trung tâm sinh hoạt cộng đồng**) thường phục vụ các nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao...theo **diện rộng** với đối tượng khai thác không hạn chế, các lĩnh vực sinh hoạt chuyên môn bên trong cũng được chia làm 2 phần:

- Phần cố định là những lĩnh vực cơ bản thuộc văn hóa, nghệ thuật hay thể thao;
- Phần không cố định là những lĩnh vực thuộc dạng kỹ năng sống hay những khóa đào tạo ngắn hạn mang tính phổ cập.

Chính vì mục đích phục vụ số đông và mang tính phổ cập như vậy nên đa số Nhà văn hóa vẫn chịu sự phân cấp hành chính theo các quy chuẩn về hạ tầng xã hội và quy hoạch.

(2) **Câu lạc bộ** thường phục vụ các nhu cầu sinh hoạt theo **chiều sâu**, với đối tượng khai thác sử dụng tương đối hạn chế. Đa phần các thành viên Câu lạc bộ khai thác sử dụng công trình này để nâng cao, tự hoàn thiện các kỹ năng hoặc trao đổi kiến thức chứ không phải để phổ cập theo diện rộng như ở Nhà văn hóa. Chính vì mục đích phục vụ theo chiều sâu như vậy nên thường các Câu lạc bộ được thành lập trên cơ sở nhu cầu chứ không phải theo kiểu phân cấp về hành chính.

2.2. Địa điểm xây dựng

Có 3 khu đất được đề xuất: (1) Khu đất 1 có diện tích 6.450m², (2) Khu đất 2 có diện tích 5.574m², (3) Khu đất 3 có diện tích 6.641m². Cả 3 khu đất nằm xung quanh ngã ba Tây Sơn - Thái Thịnh.

Các GV có thể đề xuất khu đất riêng cho lớp dựa trên các tiêu chí:

- Ở trung tâm đô thị để có sức hấp dẫn, đồng thời đóng góp cho sự hoạt động và bề mặt của khu trung tâm.
- Ở gần các khu tập trung dân cư hoặc nằm trong khu cây xanh, khu công viên giữa các khu dân cư.
- Ở nơi có đường giao thông thuận tiện cho các phương tiện giao thông cá nhân và công cộng.
- Diện tích khu đất khoảng 6.000 ± 500 m², mật độ xây dựng 40-50%

2.3. Quy mô công trình

- Cấp công trình: Cấp II (sức chứa 300-1.200 người)
- Cấp phục vụ: Cấp quận/huyện
- Tầng cao trung bình: tối đa 5 tầng (≤ 22 m)
- Mật độ xây dựng: 40-50%
- Mật độ cây xanh: tối thiểu 30%
- Đối với các khu vực trong đô thị chật hẹp, có thể nghiên cứu đề xuất sử dụng không gian ngầm cho đỗ xe, kỹ thuật, phụ trợ...
- Yêu cầu về khoảng lùi: tối thiểu 6m so với ranh giới khu đất (phải đảm bảo các yêu cầu khác về diện tích tản người cho công trình)

3. Cách thức thể hiện đồ án

3.1. Khối lượng thực hiện

a. Kiểm tra tiến độ (thiết kế ý tưởng)

- Sơ đồ phân tích công năng
- Mô hình tìm ý¹ (bắt buộc) TL 1/100
- Các bản vẽ tay minh họa ý tưởng:
 - Mặt bằng tổng thể TL 1/500-1/200
 - Mặt bằng các tầng/cao độ (có bố trí nội thất) TL 1/100-1/50
 - Mặt cắt TL 1/200-1/100
 - Mặt đứng (khuyến khích) TL 1/200-1/100

b. Kết thúc đồ án (thiết kế cơ sở)

- Phân tích hiện trạng khu vực nghiên cứu, diễn tiến ý tưởng
- Mặt bằng tổng thể TL 1/500-1/200
- Sơ đồ phân chia công năng, giao thông toàn nhà (2D/3D)
- Mặt bằng các tầng TL 1/200-1/100
- Mặt bằng chi tiết phòng biểu diễn TL 1/100-1/50
- Mặt cắt công trình (tối thiểu 02 mặt cắt qua 2 chiều vuông góc ngôi nhà, trong đó bắt buộc 01 mặt cắt qua thang) TL 1/200-1/100
- Mặt đứng (tối thiểu 02 mặt đứng kỹ thuật) TL 1/200-1/100
- Phối cảnh minh họa (phối cảnh góc², không gian nội thất)

3.2. Quy cách thể hiện

- SV được tự do trong phương thức thể hiện (có thể sử dụng máy tính);
- Tên khu vực chức năng ghi trực tiếp trên mặt bằng, không đánh số 1, 2, 3... kèm trích dẫn;
- Thể hiện tối đa trên 02 tờ giấy khổ A0 (80x120cm), không khuyến khích in trên giấy ảnh.

B. NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

1. Các yêu cầu chung về quy hoạch, giao thông và thiết kế đô thị

- **Đường vòng quanh công trình:** đảm bảo cho xe chữa cháy có thể tiếp cận tất cả mọi phía của công trình
- **Lối vào cho xe ô tô con/ xe tải:** Bố trí đường cho xe ô tô con tiếp cận công trình/bãi đỗ xe; xe tải tiếp cận với kho dụng cụ, đạo cụ, chiều rộng đường vào phải lớn hơn hoặc bằng 4m.
- **Bãi đỗ xe:** Bố trí bãi đỗ xe đủ diện tích cho xe ca, xe ô tô con, xe máy, xe đạp và xe lăn của người khuyết tật. Các lối đi lên bằng bậc phải có đường dốc cho xe lăn. Lối vào bãi đỗ xe không được cắt ngang dòng người chính ra vào công trình. Diện tích các bãi đỗ xe, tùy thuộc đặc điểm của từng đô thị. Có thể tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có của khu vực, hoặc kết nối với các phương tiện vận chuyển công cộng để tăng thêm khả năng tiếp cận của công trình. Có thể tính bình quân 3-5m²/người sử dụng.
- **Diện tích tản người:** Bố trí tại trước mỗi lối ra, đặc biệt đối với không gian phòng biểu diễn, phòng đa năng. Diện tích này được tính ít nhất là 30m²/100 khán giả. Các diện tích tản người này không được bao bọc bởi tường rào, các chướng ngại vật... Các lối ra vào của ô tô, cửa các phương tiện giao thông công cộng, cửa xe chữa cháy... không được tính vào diện tích tản người.

¹ Gắn kết với bối cảnh đô thị xung quanh.

² Trên nền ảnh chụp thực tế khu vực.

- **Khoảng lùi:** Mặt trước công trình (hoặc mặt hướng ra đường) phải có khoảng lùi cách xa khỏi mép đường giao thông công cộng với tiêu chuẩn 150cm/100 khán giả

2. Cơ cấu chức năng

2.1. Nhà văn hoá

STT	Nội dung	Kích thước, diện tích yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
1	KHỐI KHÔNG GIAN KHÁN GIẢ ĐA NĂNG		
1.1	Sảnh	100 - 150m ²	
1.2	Phòng biểu diễn đa năng	600 - 800m ²	1,2m ² / người, quy mô 500 chỗ, có sàn dốc, có thể sử dụng cho nhiều loại hình biểu diễn, hội họp khác nhau
1.3	Sân khấu chính (có thể sử dụng sân khấu di động)	80 - 100m ²	Chiều sâu sân khấu không nhỏ hơn 6m
1.4	Sân khấu phụ	2 x 40m ²	Bố trí ngay kề 2 bên sân khấu chính
1.5	Phòng kỹ thuật âm thanh, ánh sáng	2 x 36m ²	2 phòng
1.6	Kho dụng cụ, đạo cụ biểu diễn	2 x 50m ²	2 phòng
1.7	Phòng máy chiếu + Thuyết minh + nhân viên	3 x 18m ²	3 phòng
1.8	Phòng quản lý chung	2 x 36m ²	2 phòng
1.9	Phòng thay đồ, hoá trang	2 x 36m ²	Bố trí tiếp cận thuận tiện với khu vực sân khấu biểu diễn
1.10	WC diễn viên		Nam/nữ (có tắm, thay quần áo)
1.11	WC khán giả		Nam/nữ/người khuyết tật
1.12	Hệ thống giao thông theo tiêu chuẩn		Đảm bảo bề rộng để thoát người, tính cho 60cm/100 khán giả
2	KHỐI CÁC CÂU LẠC BỘ CHUYÊN MÔN		Có chức năng chính là đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu và phổ cập chuyên môn cho các lĩnh vực thể thao, văn hóa xã hội...
2.1	Sảnh đón tiếp, trưng bày, triển lãm	100 - 150m ²	
2.2	Không gian sinh hoạt đa năng	300 - 500m ²	Sàn phẳng, có thể sử dụng cho nhiều hoạt động khác nhau
2.3	Các phòng học lý thuyết	5 x 40m ²	3 - 5 phòng
2.4	Câu lạc bộ cờ (cờ tướng + cờ quốc tế)	50m ²	
2.5	Câu lạc bộ võ thuật	120m ²	
2.6	Câu lạc bộ thể dục nghệ thuật	130 - 150m ²	Tiêu chuẩn 6m ² /người
2.7	Câu lạc bộ hội họa + điêu khắc	80 - 100m ²	Tiêu chuẩn 2,8m ² /người
2.8	Câu lạc bộ múa kịch	100 - 120m ²	Tiêu chuẩn 6m ² /người
2.9	Câu lạc bộ bóng bàn	140 - 180m ²	
2.10	Câu lạc bộ Bi-a	140 - 180m ²	

2.11	Câu lạc bộ âm nhạc	50m ²	
2.12	Câu lạc bộ thanh nhạc, kể chuyện	45m ²	
2.13	Câu lạc bộ nghi thức đội	40m ²	
2.14	Câu lạc bộ tin học	40m ²	
2.15	Câu lạc bộ văn học	40 - 60m ²	
2.16	WC	Tự tính	Nam/nữ/người khuyết tật
3 KHỐI THƯ VIỆN			
3.1	Kho sách lưu trữ	36 - 38m ²	2 kho, 18-24m ² / kho
3.2	Phòng đọc và trưng bày sách	120 - 150m ²	Kết hợp phòng đọc tự chọn; Tiêu chuẩn 1,4m ² /người
3.3	Khu vực cho mượn và quản lý	10 - 12m ²	
3.4	WC	Tự tính	Nam/nữ/người khuyết tật
4 KHỐI HÀNH CHÍNH		Gồm một số phòng quản lý và phụ trách NVH, tổ chức theo xu hướng cơ cấu gọn nhẹ	
4.1	Sảnh hành chính	60m ²	
4.2	Tiếp khách	40m ²	
4.3	Phòng hành chính tổng hợp	40m ²	
4.4	Phòng tài vụ kế toán	20m ²	
4.5	Phòng y tế	20m ²	
4.6	Phòng khách + họp	60m ²	
4.7	Phòng Đảng uỷ	20m ²	
4.8	Phòng Giám đốc	30m ²	Có WC riêng
4.9	Phòng Phó giám đốc	2 x 20m ²	2 phòng
4.10	Phòng công đoàn	20m ²	
4.11	WC	Tự tính	Nam/nữ
5 KHU CHỨC NĂNG NGOÀI TRỜI		Dùng cho các hoạt động phong trào mang tính định kỳ, những cuộc thi ngoài trời quy mô lớn hay những lễ hội của thiếu nhi	
5.1	Khu sân bóng đá mini	775m ²	
5.2	Sân cầu lông	3 x 120m ²	3 sân, kích thước 15x8m
5.3	Bể vầy + bể tập bơi	120m ² + 275m ²	
5.4	Khu phụ trợ bể vầy + bể tập bơi	120 - 160m ²	
5.5	Sân khởi động	200 - 300m ²	
5.6	Khu biểu diễn ngoài trời	800 - 950m ²	
5.7	Sân vui chơi giải trí + nghi thức	2000 - 2500m ²	Kết hợp sân vườn - cảnh quan
5.8	WC	Tự tính	Nam/nữ/người khuyết tật
6 KHU DỊCH VỤ ĂN UỐNG, GIẢI KHÁT			
6.1	Phòng ăn nhẹ và giải khát		

6.2	Kho chung cho giải khát và ăn nhẹ	18 - 24m ²	2-3 kho
6.3	Khu vực bếp	45 - 54m ²	
6.4	WC	Tự tính	Nam/nữ/người khuyết tật
7 KHU SÂN BÃI			
7.1	Sân trưng bày ngoài trời	800 - 1000m ²	Kết hợp sân vườn – cảnh quan
7.2	Bãi đỗ xe ô tô theo tiêu chuẩn		25m ² / xe ô tô, bố trí thêm vị trí tập kết cho 2-4 xe ca
7.3	Bãi đỗ xe đạp, xe máy		3m ² / xe máy
7.4	Bố trí tổng mặt bằng công trình ít nhất có 2 lối tiếp cận Thiết kế sân vườn - cảnh quan đồng bộ với tổng thể công trình		

2.2. Câu lạc bộ

Được xây dựng trên khu đất tự chọn tương đương diện tích của khu đất xây dựng Nhà Văn hóa, theo loại hình Câu lạc bộ mà sinh viên chọn lựa. Thông thường có 3 loại hình Câu lạc bộ phổ biến:

(1) *Câu lạc bộ thể thao*: bao gồm công năng chính là khu vực tập luyện chính của môn thể thao đó với tiện nghi cao cấp, các khu vực phụ trợ liên quan (thay đồ, hồi sức, tập bổ trợ...). Khu vực dành cho tiện nghi ngoại vi (ăn uống, khán phòng...). Ví dụ như CLB bóng đá, CLB gofl, CLB thể hình, CLB các trò chơi mạo hiểm, Kỹ năng sinh tồn...

(2) *Câu lạc bộ sở thích cá nhân*: bao gồm công năng chính là khu vực cộng đồng (có thể phòng lớn dạng ballroom hoặc các phòng nhỏ độc lập), hoặc khán phòng, các khu vực phụ trợ liên quan. Khu vực dành cho tiện nghi ngoại vi. Ví dụ như CLB poker, CLB rượu vang, CLB Thủy thủ, CLB nghệ thuật đường phố, CLB ảo thuật...

(3) *Câu lạc bộ Văn hóa xã hội*: Bao gồm công năng chính là khu vực cộng đồng (có thể phòng lớn dạng ballroom hoặc các phòng nhỏ độc lập), hoặc khán phòng, các khu vực phụ trợ liên quan. Khu vực dành cho tiện nghi ngoại vi. Ví dụ như CLB Ca trù, CLB nghệ sỹ, CLB trò chơi dân gian, CLB ẩm thực...

Chú ý: Sinh viên nên thống nhất với GVHD chọn những đề tài gắn gũi với lĩnh vực kiến trúc như: Mỹ thuật, Điêu khắc, nhiếp ảnh... hoặc các lĩnh vực sinh viên am hiểu và có nhiều tài liệu nghiên cứu.

C. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN

1. Tiến độ thực hiện

Tuần thứ tự	Tuần học tập (theo lịch năm học 2019-2020)	Nội dung công việc	Khối lượng làm việc của SV
1	10 (07/10-13/10)	GV giao nhiệm vụ thiết kế đồ án, khu đất lựa chọn	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc, hiểu nhiệm vụ thiết kế - Đối với CLB: SV chủ động đề xuất đề tài, vị trí khu đất và lập nhiệm vụ thiết kế - Tìm, nghiên cứu các tài liệu pháp lý, tiêu chuẩn, dữ liệu tham khảo phục vụ thiết kế - Tìm, nghiên cứu các công trình thực tế tương tự (Việt Nam, thế giới)
2	11 (14/10-20/10)	SV làm việc với GV (thông	<ul style="list-style-type: none"> - Tham quan hiện trạng - Phân tích khu đất thiết kế

Tuần thứ tự	Tuần học tập (theo lịch năm học 2019-2020)	Nội dung công việc	Khối lượng làm việc của SV
3	12 (21/10-27/10)	bài)	- Đề xuất ý tưởng - Sơ phác phương án tổng mặt bằng, phân chia khu vực công năng
4	13 (28/10-03/11)		- Cụ thể phương án tổng mặt bằng - Sơ phác mặt bằng các tầng, các mặt cắt chính. - Sơ phác mặt đứng, hình khối công trình
5	14 (04/11-10/11)	GV đánh giá giữa kỳ tiến độ và khối lượng đồ án SV đã thực hiện	- Bài chấm tiến độ được thể hiện trên khổ giấy A1 (tối đa 02 tờ) + mô hình tìm ý - Định hình đầy đủ các yếu tố công trình (tổng mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh) - Cụ thể các giải pháp kỹ thuật, kết cấu, vật liệu
6	15 (11/11-17/11)	SV làm việc với GV (thông bài)	- Tìm hiểu và đặt câu hỏi với những nhận xét của GV trên bài đã được chấm - Hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật, kết cấu, vật liệu
7	16 (18/11-24/11)		- Chỉnh sửa, khắc phục và hoàn thiện các thiếu sót của phương án.

THI KẾT THÚC HỌC PHẦN + THỂ HIỆN ĐỒ ÁN TẠI NHÀ (tuần 17, 18, 19)

8	20 (16/12-22/12)	Nộp bài và thuyết trình đồ án theo lịch học riêng của từng lớp	Sinh viên nộp bài, đánh giá và nhận xét đồ án theo lịch học riêng của từng lớp: 62KD1 - tiết 2, sáng thứ 2 (16/12) - phòng 106.H1 62KD2 - tiết 2, sáng thứ 2 (16/12) - phòng 107.H1 62KD3 - tiết 2, sáng thứ 4 (18/12) - phòng 106.H1 62KD4 - tiết 2, sáng thứ 4 (18/12) - phòng 107.H1 62KD5 - tiết 8, chiều thứ 5 (19/12) - phòng 108.H1 62KDE - tiết 2, sáng thứ 3 (17/12) - phòng 51.H3 62KDF - tiết 2, sáng thứ 3 (17/12) - phòng 37.H3
---	----------------------------	--	--

2. Cách đánh giá

Điểm (đánh giá cuối cùng)	Trọng số	Điểm thành phần (do GV đánh giá trong quá trình thực hiện đồ án)	Trọng số	Ghi chú
1. ĐQT	40%	1.1. Trung bình cộng điểm đánh giá các buổi làm việc tuần 2, 3, 4, 6 và 7	50%	GVHD đánh giá
		1.2. Điểm đánh giá giữa kỳ (tuần 5)	50%	Các GVHD cùng đánh giá
2. ĐKT	60%	2.1. Tích hợp các yếu tố kỹ thuật công trình và xử lý cấu tạo kiến trúc	20%	Thiết kế tiện nghi phòng biểu diễn, xử lý kết cấu
		2.2. Sáng tạo công năng công trình dựa trên nhu cầu xã hội	20%	Đề xuất các công năng thực tế cho công trình
		2.3. Xử lý không gian đặc thù và tổ chức sắp xếp công năng phức hợp	40%	Xử lý chi tiết phòng biểu diễn và sân khấu

Điểm (đánh giá cuối cùng)	Trọng số	Điểm thành phần (do GV đánh giá trong quá trình thực hiện đồ án)	Trọng số	Ghi chú
		2.4. Đẩy mạnh tính thực tế và tính sáng tạo trong xử lý không gian	20%	Hình thức thẩm mỹ kiến trúc trong bối cảnh xung quanh

D. Tiêu chuẩn thiết kế và tài liệu tham khảo

1	Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn	<p>TCVN 9365:2012 “Nhà văn hoá thể thao – Nguyên tắc cơ bản để thiết kế”</p> <p>TCVN 4319:2012 “Nhà và công trình công cộng – Nguyên tắc cơ bản để thiết kế”</p> <p>TCVN 9369:2012 “Nhà hát – Tiêu chuẩn thiết kế”</p> <p>TCVN 4260:2012 “Công trình thể thao – Bể bơi – Tiêu chuẩn thiết kế”</p> <p>TCVN 4529:2012 “Công trình thể thao – nhà thể thao – Tiêu chuẩn thiết kế”</p> <p>QCVN 10:2014/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng”</p> <p>QCXDVN 01: 2008/BXD “Quy hoạch xây dựng”</p>
2	Tài liệu tham khảo	<p>Kiến trúc nhà công cộng</p> <p>Dữ liệu kiến trúc sư</p> <p>Website:</p> <p>+ http://kientrucdandung.vn</p> <p>+ http://www.archdaily.com</p> <p>+ https://www.pinterest.com</p> <p>Một số Kiến trúc sư</p> <p>+ http://www.rpbw.com</p> <p>+ http://kkaa.co.jp</p> <p>+ http://www.shigerubanarchitects.co</p> <p>+ http://libeskind.com/work/</p>
3	Keywords	Cultural center, community center, youth center, clubhouse, performance center, sport hall, etc.

--- HẾT ---



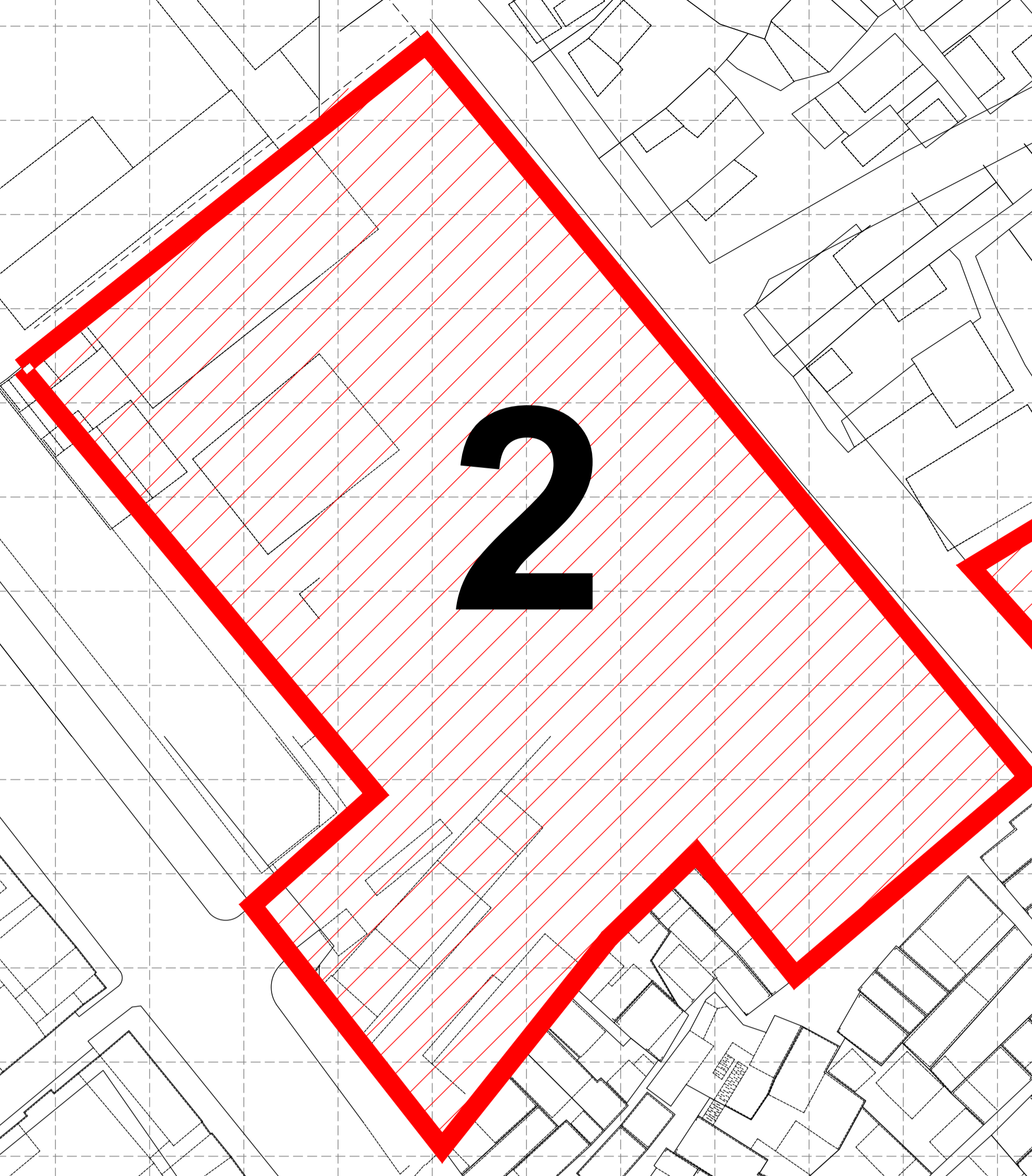
Họ và tên:

MSSV:

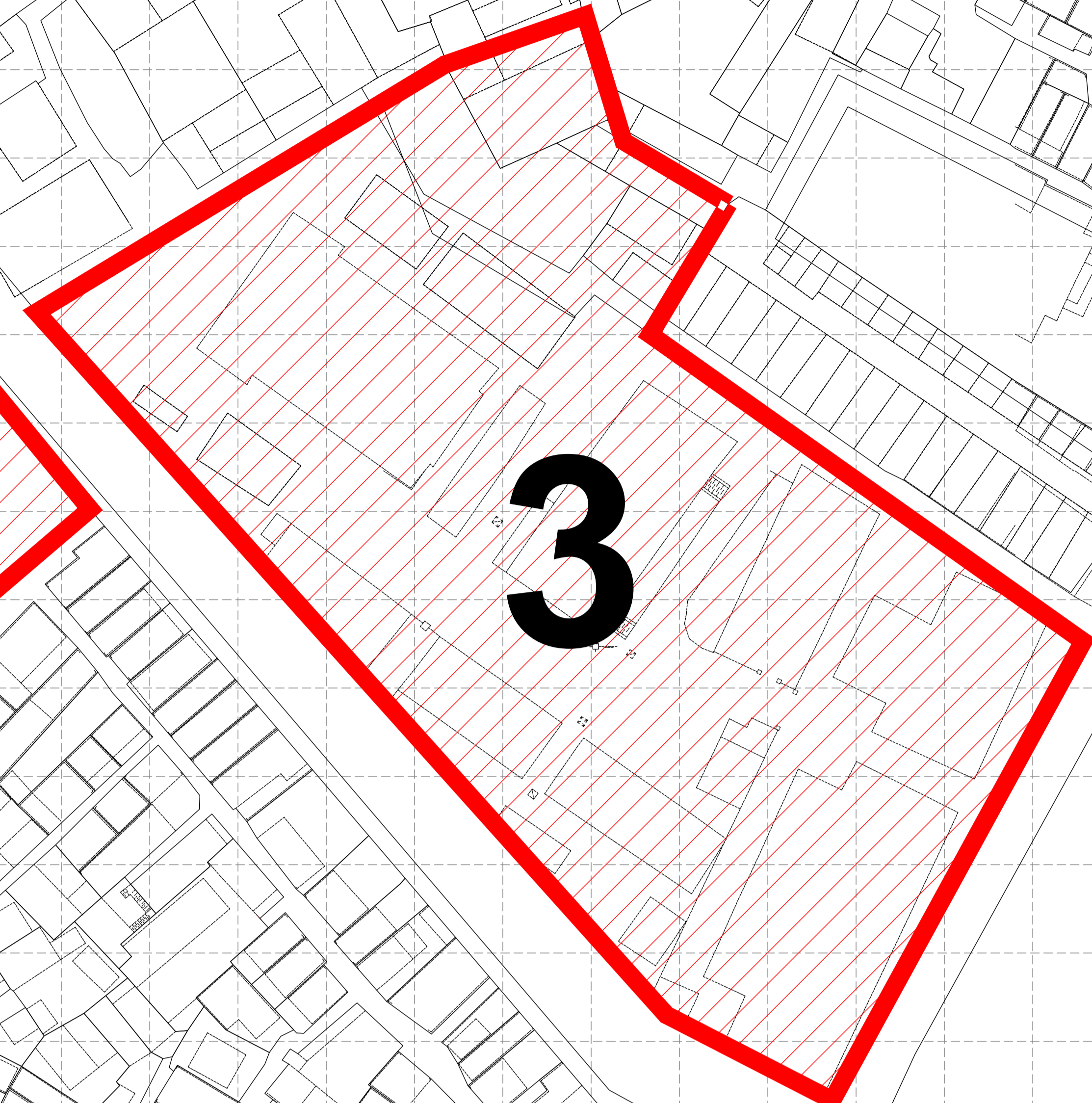
Lớp:

Chú ý: SV bắt buộc phải trình phiếu theo dõi học tập cho GV vào mỗi buổi làm việc và tự chịu trách nhiệm lưu giữ. Điểm phải có chữ ký GV kèm theo mới được công nhận. Phiếu được nộp lại cùng đồ án vào buổi đánh giá cuối kỳ và không chấp nhận việc mất phiếu với bất cứ lý do nào.

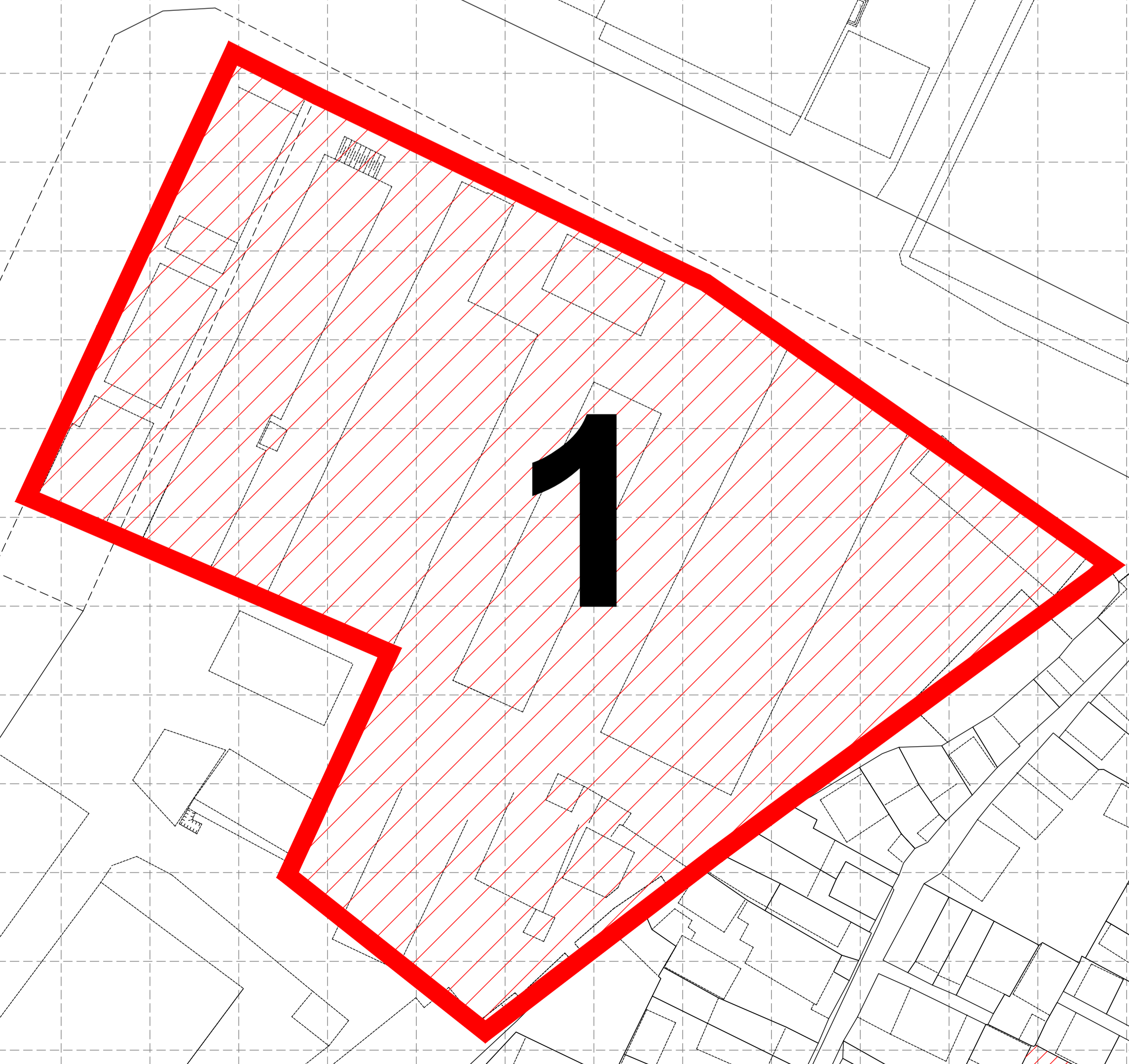
Tuần	Khối lượng công việc cần đạt được	Nhận xét và điểm của GV	Chữ ký GV
1	1.1. Giao và giảng đề 1.2. Đọc, hiểu nhiệm vụ thiết kế 1.3. Phân nhóm, chọn lựa khu đất		
2	2.1. Tìm, nghiên cứu các tài liệu pháp lý, tiêu chuẩn, dữ liệu tham khảo phục vụ thiết kế 2.2. Tìm, nghiên cứu các công trình thực tế tương tự (Việt Nam, thế giới) 2.3. Tham quan hiện trạng, phân tích khu đất thiết kế, công năng công trình	Điểm đánh giá: /10	
3	3.1. Đề xuất ý tưởng 3.2. Sơ phác phương án tổng mặt bằng, phân chia luồng tuyến, khu vực công năng 3.3. Sơ phác hình khối công trình (<u>sử dụng mô hình để minh họa</u>)	Điểm đánh giá: /10	
4	4.1. Cụ thể phương án tổng mặt bằng 4.2. Sơ phác mặt bằng các tầng, các mặt cắt, mặt đứng chính 4.3. Hiệu chỉnh hình khối công trình (<u>sử dụng mô hình để minh họa</u>)	Điểm đánh giá: /10	
5 (Đánh giá giữa kỳ)	5.1. Cụ thể mặt bằng các tầng, các mặt cắt, mặt đứng, hình khối công trình (<u>sử dụng mô hình để minh họa</u>) 5.2. Sơ phác bố trí nội thất và thiết kế kích thước các không gian 5.3. Sơ phác các giải pháp kỹ thuật công trình	Điểm đánh giá: /10	
6	6.1. Định hình đầy đủ các yếu tố công trình (tổng mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh) 6.2. Cụ thể các giải pháp bố trí nội thất, thiết kế kích thước các không gian 6.3. Cụ thể các giải pháp kỹ thuật công trình	Điểm đánh giá: /10	
7	7.1. Chỉnh sửa, khắc phục và hoàn thiện các thiếu sót của phương án kiến trúc 7.2. Hoàn thiện giải pháp kỹ thuật công trình 7.3. Lên ý tưởng và lựa chọn phương pháp thể hiện	Điểm đánh giá: /10	
8 (Đánh giá cuối kỳ)	8.1. Thể hiện đồ án 8.2. Đánh giá và chấm đồ án 8.3. Nhận xét	Điểm đánh giá: /10	



2



3



1

Tha Thinh

Tay Son